

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2025
Về việc “tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Cao Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Hoàn Thiện và ông Lê Bá Tự.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Công Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Tuyết Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 220/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Tống Thị Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. **Bị đơn:** anh Nguyễn Tấn N, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt 02 lần không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn chị Tống Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 10/12/2012. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn lý do là anh N không lo làm ăn, gây nợ nần tuy nhiên chị T đều bỏ qua vì con. Thời gian gần đây, anh N thường xuyên đi làm ăn xa nhà thì chị T phát hiện anh N có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nhưng anh N chối không nhận. Do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 11/2024 ở cho đến nay. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Tổng Thủy T1, sinh 23/5/2012 và Nguyễn Tổng Thanh T2, sinh 10/11/2015. Hiện nay 2 cháu đang ở với bà nội tại thôn P, xã H nên chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Tổng Thanh T2 và giao cháu Nguyễn Tổng Thủy T1 cho anh N nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 10/12/2012. Vấn đề mâu thuẫn vợ chồng là do chị T nghe lời người khác gọi điện nói anh N ngoại tình rồi ép anh thừa nhận và đòi ly hôn mà không có chứng cứ gì. Do đó, anh N không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Tổng Thủy T1, sinh 23/5/2012 và Nguyễn Tổng Thanh T2, sinh 10/11/2015. Anh N yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con vì lý do chị T không có việc làm, không có thu nhập để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Các đương sự được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt 02 lần không có lý do, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T. Về quan hệ hôn nhân cho chị T được ly hôn anh N; về con chung giao cháu Nguyễn Tổng Thủy T1, sinh 23/5/2012 cho anh N nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Tổng Thanh T2, sinh 10/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Tổng Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Tấn N hiện đang cư trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Căn cứ vào khoản 1

Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh N vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh N tự nguyện tìm hiểu nhau, đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận kết hôn Số 185 ngày 10/12/2012 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn, cãi vã lý do chị T cho rằng anh N ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài. Anh N không thừa nhận và cho rằng chị T không có chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Xét thấy, chị T đưa ra lý do ly hôn vì anh N ngoại tình nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, tuy nhiên, qua lời trình bày của bà N1 (mẹ ruột anh N) và ông C (bố ruột chị T) thì vợ chồng chị T, anh N có phát sinh mâu thuẫn vì lý do trên, từ tháng 11/2024 đến nay chị T và anh N đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết tại Tòa, anh N có yêu cầu cho thời gian để vợ chồng hòa giải tuy nhiên vào ngày Tòa án mở phiên hòa giải và phiên tòa thì anh N không đến Tòa án để hòa giải và giải quyết mâu thuẫn là không quan tâm níu kéo, hàn gắn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh N.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Tổng Thủy T1, sinh 23/5/2012 và Nguyễn Tổng Thanh T2, sinh 10/11/2015. Sau khi vợ chồng chị T, anh N xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân thì hai cháu đang ở cùng với bà nội tại thôn P, xã H.

Bị đơn anh N yêu cầu được nuôi hai con chung vì chị T không có thu nhập để nuôi con, tuy nhiên xét thấy anh N có công việc thường xuyên phải đi làm xa, không trực tiếp chăm sóc các con. Mặt khác, cháu T1 có nguyện vọng muốn ở với ba, còn cháu T2 có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2 và đảm bảo về kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho các cháu được chăm sóc, phát triển ổn định cả về thể chất và tinh thần thì cần chấp nhận giao cháu Nguyễn Tổng Thủy T1, sinh 23/5/2012 cho anh N nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Tổng Thanh T2, sinh 10/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 27 nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tống Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Tống Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

2. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Tống Thủy T1, sinh 23/5/2012 cho anh N nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Tống Thanh T2, sinh 10/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Tống Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005141 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hoà ;
- Chi cục THADS huyện Phú Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thu Hà

